

VẤN ĐỀ SẢN SINH VÀ TIẾP NHẬN LỜI NÓI TRONG ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGOẠI NGỮ CHẤT LƯỢNG CAO

Trần Hữu Luyện^(*)

1. Vai trò của sản sinh và tiếp nhận lời nói trong đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao

Đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao, xét đến cùng là đào tạo cán bộ nắm vững và sử dụng tốt ngoại ngữ được học theo các mục tiêu đào tạo đã đề ra ở bậc học đại học.

Để nắm vững và sử dụng được tốt ngoại ngữ như thế, về lí luận và thực tiễn có nhiều vấn đề phải giải quyết, song một trong những vấn đề cơ bản, cốt lõi là vấn đề sản sinh và tiếp nhận lời nói trong giao tiếp ngôn ngữ. Nói như vậy không phải là ngộ nhận. Đây là vấn đề khoa học. Nắm vững và sử dụng tốt ngoại ngữ, thực chất là thực hiện tốt các quá trình/hoạt động sản sinh và tiếp nhận lời nói ngoại ngữ được học. Đây là một định hướng đúng, quan trọng cần được nhận thức rõ và thực hiện tốt trong đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao.

Trong tâm lí ngôn ngữ học, tâm lí học lời nói và ngôn ngữ học hiện đại sản sinh và tiếp nhận lời nói là những vấn đề

chiếm nội dung rất lớn. Xem xét những vấn đề này trong đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao là làm rõ cơ sở khoa học tâm lí ngôn ngữ của loại hình đào tạo cử nhân này. Nói cách khác là làm rõ những quan niệm về ngôn ngữ, lời nói, hoạt động lời nói ở bình diện tâm lí học và chỉ ra bản chất, nhân tố, điều kiện, giai đoạn, cấu trúc và cơ chế sản sinh và tiếp nhận lời nói ngoại ngữ ở những chủ thể đang tham gia giao tiếp, chứ không phải ở những người mang ngôn ngữ nói chung, đồng thời đưa ra những yêu cầu đối với dạy học/đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao. Không thấy được cơ sở tâm lí ngôn ngữ học này thì không thể nói đến các nguyên tắc và giải pháp khoa học thực sự cho đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao nói riêng và cho dạy học ngoại ngữ có chất lượng nói chung. Điều này cũng giống như phải hiểu rõ gene của một loài động vật nào đó thì mới tạo ra và làm biến đổi được loài động vật đó. Cho nên, chỗ này chính là cơ sở khoa học nội tại, cơ chế bên trong của đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao. Những vấn đề khác, cũng rất quan trọng, nhưng nhìn chung chỉ là cơ sở bên

^(*) PGS.TS., Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ngoài, cơ chế bên ngoài của đào tạo/dạy học ngoại ngữ. Dưới đây sẽ tập trung làm rõ những cơ sở khoa học nội tại này.

2. Những quan niệm xuất phát giải quyết vấn đề sản sinh và tiếp nhận lời nói-cơ sở xây dựng các nguyên tắc dạy học trong đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao

Đây là những quan niệm về ngôn ngữ, lời nói và hoạt động lời nói. Những quan niệm này xét ở bình diện tâm lí học rất quan trọng đối với việc định hướng giải quyết các vấn đề sản sinh và tiếp nhận lời nói ngoại ngữ, đồng thời cũng là cơ sở khoa học để đề ra các nguyên tắc, đưa ra các yêu cầu đối với dạy học ngoại ngữ trong đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao.

2.1. Quan niệm về sự hình thành và phát triển các bình diện ngôn ngữ

Ở đây có hai quan niệm khá trái ngược nhau, cụ thể:

- Quan niệm thứ nhất xuất hiện trong tâm lí học hành vi phương tây, mà đại diện là N. A. Chomsky, cho rằng các bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) không phải do tiếp thu được trong quá trình giao tiếp, mà vốn là bẩm sinh, được bộc lộ cùng với sự trưởng thành của cơ thể. Quan niệm này còn gọi là quan niệm về các cấu trúc ngôn ngữ bẩm sinh (N. A. Chomsky, 1965).

Do quan niệm về sự hình thành và phát triển ngôn ngữ như vậy, nên N. A. Chomsky và những nhà tâm lí ngôn ngữ học hành vi (N. F. Johnson, 1965;

G.A.Miller, 1969; C.E.Osgood, 1963; V.A.Yngve, 1960...) đã chỉ chú ý đến chính bản thân hành vi ngôn ngữ, cụ thể là đến các quá trình mã hoá và giải mã ngôn ngữ khi sản sinh và tiếp nhận lời nói, mà không chú ý đến các khâu tiền ngôn ngữ (như động cơ, chương trình lời nói bên trong), đến ý, đến nội dung tâm lí của các chủ thể tham gia giao tiếp. Đây là cơ sở để các nhà lí luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ hành vi xây dựng nguyên tắc dạy học ngoại ngữ trực tiếp hướng vào bản thân hành vi ngôn ngữ. Theo nguyên tắc này các nội dung tâm lí trong ngôn ngữ cũng không được tính đến và khi được tính đến cũng không đầy đủ.

- Quan niệm thứ hai xuất hiện trong tâm lí học hoạt động Nga, mà đại diện tiêu biểu là L. X. Vygotsky. Quan niệm này thừa nhận vai trò làm tiền đề vật chất của các yếu tố bẩm sinh, di truyền trong hình thành, phát triển ngôn ngữ, song đồng thời cũng khẳng định chính tính tích cực tham gia giao tiếp của trẻ với những người lớn xung quanh đã trực tiếp quyết định sự hình thành nên hệ thống, cấu trúc ngôn ngữ và các cơ chế lời nói. Những yếu tố bẩm sinh, di truyền là có, nhưng nó chỉ như hạt giống. Phải là ở con người thì mới có được ngôn ngữ. Nhưng để phát triển thành ngôn ngữ người thì đứa trẻ (chủ thể) phải tích cực tham gia vào giao tiếp ngôn ngữ với người lớn. Không có sự tích cực trong môi trường như vậy thì những mầm mống ngôn ngữ, cái hạt giống ngôn ngữ không phát triển thành ngôn ngữ người (L. X. Vygotsky, 1997; A. R. Luria, 1998; A. N.

Leonchiev, 1989; A. A. Leonchiev, 1997 và v.v...). Quan niệm này còn gọi là quan niệm ngôn ngữ tự tạo.

Chính do quan niệm về sự hình thành, phát triển ngôn ngữ như vậy, nên các nhà tâm lí ngôn ngữ học hoạt động Nga khi xem xét, giải quyết các vấn đề sản sinh và tiếp nhận lời nói đã tính đến tính tích cực tâm lí của chủ thể, coi đây là những khâu tiền ngôn ngữ quan trọng của sản sinh và tiếp nhận lời nói, còn các nhà lí luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Secba, Viachiutnhiev, A.A.Leonchiev, I.A.Dimnhia...) đã xây dựng nên nguyên tắc tính đến tính tích cực của chủ thể trong dạy học ngoại ngữ. Trong đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao nguyên tắc này càng giữ vai trò quan trọng.

2.2. Quan niệm về bản chất của ngôn ngữ

Ở đây cũng có hai quan niệm chính và có liên quan đến hai quan điểm tâm lí học đã nói đến ở trên.

Theo quan điểm tâm lí học hành vi (do J.B.Watson khởi xướng), ngôn ngữ, hành vi ngôn ngữ là những kích thích và phản ứng. Các nhà tâm lí ngôn ngữ học hành vi có nói đến ngôn ngữ là hành động, các hành động lời nói, song điểm chốt cuối cùng vẫn là hành vi và phản ứng, tức là mới thấy mặt biểu hiện bên ngoài, chứ chưa thấy mặt bên trong của ngôn ngữ khi các chủ thể sử dụng nó để giao tiếp (và nhận thức). Chính do quan niệm này về bản chất ngôn ngữ nên các nhà tâm lí ngôn ngữ học hành vi đã xây

dựng các mô hình sản sinh và tiếp nhận lời nói trên cơ sở của nguyên tắc kích thích và phản ứng, còn các nhà ngoại ngữ cũng đã theo nguyên tắc này để triển khai việc dạy học các quá trình sản sinh và tiếp nhận lời nói ngoại ngữ cho người học.

Theo quan điểm tâm lí học hoạt động (do L.X.Vygotsky sáng lập), ngôn ngữ là một hoạt động, một hoạt động đặc biệt. Chính quan niệm bản chất ngôn ngữ là hoạt động như vậy, mà L.X.Vygotsky và cả A.N.Leonchiev sau này đã nói rằng sản phẩm văn hoá ngôn ngữ, công cụ ngôn ngữ là sự kết tinh của hoạt động dưới dạng các thao tác (thao tác ngữ âm, thao tác từ vựng, thao tác ngữ pháp...). Đây chính là lí lẽ, cơ sở để các nhà tâm lí học lời nói, tâm lí ngôn ngữ học hoạt động Nga giải quyết các vấn đề sản sinh và tiếp nhận lời nói theo nguyên tắc hoạt động. Đây cũng chính là lí lẽ, cơ sở để các nhà dạy học ngoại ngữ Nga xây dựng nguyên tắc hoạt động để dạy học các quá trình sản sinh và tiếp nhận lời nói ngoại ngữ cho người học.

2.3. Quan niệm trong phân biệt ngôn ngữ, lời nói và hoạt động lời nói

Tâm lí học hành vi không chú ý đến phân biệt các khái niệm này, đúng hơn là đã qui các khái niệm này về một phạm trù kích thích và phản ứng. Ngược lại, tâm lí học hoạt động đã có một sự phân biệt rất có ý nghĩa để giải quyết các vấn đề sản sinh, tiếp nhận lời nói và dạy học chính những quá trình này khi dạy học ngoại ngữ. Ở đây ngôn ngữ được hiểu là công-cụ, phương tiện xã hội để giao tiếp

và nhận thức, lời nói là một phạm trù ngang bằng với ngôn ngữ, có cấu trúc riêng (A.A. Leonchiev), là phương thức hình thành và thể hiện ý nhờ ngôn ngữ (I.A. Dimnhia). Cả ngôn ngữ và lời nói chỉ ở trong hoạt động lời nói mới bộc lộ được hết bản chất của mình. Còn hoạt động lời nói với đầy đủ tính thuật ngữ của nó chỉ có trong dạy học tiếng, trong quá trình người học nắm vững ngoại ngữ. Khi đã nắm vững ngoại ngữ, trong giao tiếp chỉ có hành động lời nói (A.A. Leonchiev). Chính sự phân biệt như vậy về ngôn ngữ, lời nói và hoạt động lời nói đã là cơ sở để các nhà tâm lý ngôn ngữ học Nga đề ra nguyên tắc phân biệt cụ thể trong giải quyết các vấn đề sản sinh và tiếp nhận lời nói và các nhà dạy học tiếng đã vận dụng nguyên tắc đó vào dạy học các quá trình sản sinh và tiếp nhận lời nói ngoại ngữ cho người học.

2.4 Quan niệm trong phân chia các loại hình và hình thái hoạt động lời nói

Một điểm nữa rất cần được đề cập đến trong các quan niệm xuất phát để giải quyết vấn đề sản sinh và tiếp nhận lời nói đối với dạy học/đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao. Đó là việc phân chia các loại hình và các hình thái hoạt động lời nói trong tâm lý học hoạt động.

Các nhà tâm lý ngôn ngữ học hoạt động chia hoạt động lời nói thành 6 loại hình (nghe, đọc, nói, viết, nghĩ và dịch) và hai hình thái (bên ngoài và bên trong). Trong thực tế dạy học tiếng mới chú ý đến các loại hình nghe, đọc, nói, viết và dịch và chủ yếu hình thái bên

ngoài. Song ở đây những nội dung tâm lý của chúng cũng ít được chú ý đến. Tất nhiên còn nhiều cách phân chia các loại hình hoạt động lời nói, song việc phân chia như trên và việc làm rõ đặc điểm, bản chất tâm lý của chúng đã góp phần khẳng định nguyên tắc phân biệt cụ thể để giải quyết vấn đề sản sinh và tiếp nhận lời nói, cũng như để dạy học chính những quá trình này trong dạy học ngoại ngữ.

3. Những tư tưởng khoa học quan trọng về sản sinh và tiếp nhận lời nói - cơ sở để ra các yêu cầu đối với đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao

Các tư tưởng khoa học về sản sinh và tiếp nhận lời nói trong tâm lý ngôn ngữ học cũng có 2 trường phái rõ rệt, có cơ sở từ hai nền tâm lý học phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XX: Tâm lý học hành vi và tâm lý học hoạt động (đã được nói ở trên).

3.1. Trường phái tâm lý học hành vi kiến giải về sản sinh lời nói

Dựa trên cơ sở của tâm lý học hành vi, trường phái các nhà tâm lý ngôn ngữ học Mỹ đã đề ra các mô hình ngữ pháp tạo sinh- chuyển đổi, mà đỉnh cao là mô hình ngữ pháp chuyển đổi của N.A. Chomsky. Thực chất đây chỉ là mô hình sản sinh ra các câu tiếng Anh.

Điểm then chốt của ngữ pháp chuyển đổi là tách ra được hai cấp độ kiến giải quá trình sản sinh ra câu: Cấp độ bề mặt liên quan trực tiếp đến hình thái của câu nghe được (gọi là cấu trúc

bề mặt) và cấp độ bề sâu liên quan trực tiếp đến nghĩa của câu (gọi là cấu trúc bề sâu), đồng thời vạch ra được quá trình biến cấu trúc bề sâu thành cấu trúc bề mặt. Ở đây có hai loại quy luật làm việc: các quy luật tạo từ theo ngữ pháp thành phần cấu tạo trực tiếp (các quy luật thay thế từ) và các quy luật chuyển đổi lại từ (các quy luật cải tạo lại từ). Mỗi quy luật diễn ra theo một số bước và mỗi bước được xác định bằng một hay một vài thao tác như thay thế, chuyển chỗ, hoán vị, cộng thêm, trừ bớt, lặp lại, v.v...

Ảnh hưởng của ngữ pháp chuyển đổi rất lớn. Hàng loạt mô hình cấu trúc bề mặt đã được xây dựng lại theo lí luận 2 cấp độ này, hoặc để làm rõ chiều sâu của từ và của câu thông qua các biểu trưng cần lưu lại trong trí nhớ thao tác (Yngve), hoặc chỉ ra số thao tác cần thực hiện khi sản sinh ra một từ cụ thể tiếp theo (Johnson), v.v...

Các mô hình tạo sinh câu của các nhà tâm lí ngôn ngữ học Mỹ nêu trên là một kiến giải rất đáng trân trọng về sản sinh lời nói, song nhiều điểm vẫn nằm trong quá trình tranh cãi, còn bộc lộ nhiều thiếu sót. Người sáng lập ra lí thuyết hoạt động lời nói, A. A. Leonchiev đã nêu ra 6 hạn chế của ngữ pháp tạo sinh như sau:

1. Chỉ nghiên cứu các câu có quan hệ với một kiểu thông báo của phát ngôn;
2. Chỉ hạn chế ở ít loại khác nhau của lời nói;
3. Chỉ hạn chế trong tính chất sử dụng mô hình;

4. Chưa tách được mặt năng lực ngôn ngữ (ngữ năng) với mặt tích cực ngôn ngữ (ngữ hiện) ở mỗi bước sản sinh;

5. Đây là thuyết sử dụng ngôn ngữ thiếu ý thức;

6. Coi nhẹ khả năng của các giai đoạn tiền ngữ pháp trong sản sinh lời nói như các khâu động cơ phát ngôn, chương trình hoá bên trong phát ngôn.

Tất nhiên đánh giá, nhận xét cũng rất cần cho khoa học, song mục đích của bài viết này là tìm cái có thể vận dụng vào đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao, cụ thể vào dạy học sản sinh và tiếp nhận ngôn bản/văn bản (lời nói) ngoại ngữ. Các mô hình ngữ pháp tạo sinh- chuyển đổi của các nhà tâm lí ngôn ngữ học Mỹ đã chỉ nói về sản sinh câu. Do đó cái vận dụng được ở đây nhiều nhất cũng chỉ để dạy học sản sinh câu tiếng nước ngoài.

3.2. Trường phái tâm lí học hoạt động kiến giải về sản sinh và tiếp nhận lời nói

Dựa trên cơ sở của tâm lí học hoạt động, các nhà tâm lí học, tâm lí ngôn ngữ học và tâm lí học lời nói Nga đã nêu ra một loạt các tư tưởng khoa học để kiến giải về sản sinh và tiếp nhận lời nói trong giao tiếp ngôn ngữ, mà tiêu biểu là L. X. Vygotsky, A. A. Leonchiev, T. V. Akhutina, A. R. Luria... Đó là các tư tưởng sau:

- 1) Sản sinh và tiếp nhận lời nói là hoạt động. Hoạt động sản sinh lời nói là hoạt động hình thành và thể hiện ý nhờ ngôn ngữ, còn hoạt động tiếp nhận lời nói là hoạt động tái tạo ý nhờ ngôn ngữ.

Chúng đều là hoạt động sản sinh, nhưng có hướng diễn ra trái ngược nhau: Hoạt động sản sinh đi từ ý đến lời (nghĩa), còn hoạt động tiếp nhận đi từ lời (nghĩa) đến ý. Khi sản sinh luôn gắn với tiếp nhận và khi tiếp nhận luôn gắn với sản sinh. Tư tưởng khoa học này cho ta thấy tiếp nhận lời nói về mặt tâm lí không phải là thụ động, mà là một hoạt động tạo ý tích cực và việc dạy học sản sinh và tiếp nhận lời nói cần được triển khai thống nhất theo hướng hoạt động tích cực.

2) Cả hoạt động sản sinh và tiếp nhận lời nói đều làm việc theo các nguyên tắc chiến lược của hoạt động trí tuệ (tư duy): nguyên tắc algorit (giải quyết tuần tự theo các bước đã biết) và nguyên tắc euristic (giải quyết sáng tạo theo lối tắt chưa rõ). Các hoạt động sản sinh và tiếp nhận lời nói không phải lúc nào cũng được thực hiện theo bài bản quen thuộc được học, mà còn tự khám phá ra các con đường mới, chưa biết, nhưng không tưởng mình để đi đến kết quả. Do đó dạy học sản sinh và tiếp nhận lời nói cần phải phát triển theo cả hai hướng này: dạy thành thói quen (kĩ xảo) và dạy thành sáng tạo (kĩ năng bậc hai, năng lực).

3) Hoạt động sản sinh lời nói là một hoạt động được tổ chức theo một cách xác định, không chỉ bao gồm các nhân tố ngôn ngữ, mà còn phụ thuộc vào các nhân tố bên ngoài ngôn ngữ đó. Nói chung quá trình này, nói như A.A.Leonchiev, cũng giống quá trình tổ chức một hoạt động trí tuệ; đúng ra nó là

một trường hợp riêng của hoạt động trí tuệ, bao gồm các giai đoạn sau:

- Giai đoạn hình thành động cơ phát ngôn (đó là nhu cầu muốn nói một cái gì đó, với ai đó và bằng cách nào đó). Đây là giai đoạn ít liên quan trực tiếp đến phát ngôn, được coi là nguyên nhân tạo ra hành vi lời nói.

- Giai đoạn lập chương trình phát ngôn hay chương trình ngữ pháp-ngữ nghĩa của phát ngôn. Thực chất của giai đoạn này là xây dựng một sơ đồ nào đó để sau này thực hiện việc sản sinh lời nói. Theo thể chế tâm lí học, chương trình này gắn với hoạt động chung, chưa có ngôn ngữ, thuộc giai đoạn tiền ngôn ngữ. Cấu trúc của chương trình này có tính chất tuyến tính, chỉ có một số cấu thành (kiểu chủ thể, vị thể, khách thể) tạo nên bộ xương ý cơ bản của phát ngôn. Hình thức của nó là mã hình ảnh-đối tượng, biến đổi rất linh hoạt. Nội dung của chương trình này không phải là nghĩa mà là ý, có bản chất ý.

- Giai đoạn thực hiện chương trình phát ngôn, tức thể hiện cấu trúc của chương trình được lập bằng một thứ tiếng cụ thể nào đó. Giai đoạn này hiện thực hoá mặt ngữ pháp - ngữ nghĩa của phát ngôn, chọn từ, lập chương trình vận động ngữ âm cho các cú đoạn, chọn âm và phát âm lên. Ở đây phải thực hiện các thao tác cụ thể trên những vật liệu ngôn ngữ xác định. Ở các thứ tiếng khác nhau các thao tác này có phần khác nhau.

Đây là giai đoạn trực tiếp liên quan đến ngôn ngữ: Lấy ra các đơn vị ngôn

ngữ từ trí nhớ của người mang ngôn ngữ và xây dựng lời nói trọn vẹn từ những đơn vị ngôn ngữ ấy.

- Giai đoạn đối chiếu việc thực hiện chương trình với chương trình đã lập ra, thực chất là khâu kiểm tra để điều chỉnh việc sản sinh lời nói.

Từ những nội dung trên về các giai đoạn sản sinh lời nói cho thấy để dạy học hoạt động sản sinh lời nói ngoại ngữ rất cần hình thành cho người học động cơ phát ngôn, ý định phát ngôn, rồi mới đến các vật liệu ngôn ngữ và cả việc kiểm tra, đánh giá kết quả về sản sinh lời nói.

4) Tiếp nhận lời nói diễn ra theo các cấp độ khác nhau, tùy thuộc vào mục đích tiếp nhận và trình độ, kinh nghiệm đã có. Việc phát hiện và phân chia các cấp độ này ở các tác giả khác nhau là khác nhau. Thí dụ về tiếp nhận lời nói nghe được (nghe hiểu), có người chia làm 4 cấp độ (I.A.Dimnhia), có người chia làm 7 cấp độ (S.Fesenden), về tiếp nhận lời nói học được (đọc hiểu) cũng được chia nhỏ đến 7 cấp độ (D.I.Klytrnhicova). Các tiêu chí để phân chia các cấp độ cũng có sự khác nhau, song nhìn chung việc phân chia các cấp độ trong tiếp nhận lời nói đều được đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ khái quát, chung đến cụ thể, chi tiết... Điều này cho thấy trong dạy học tiếp nhận lời nói ngoại ngữ cần làm rõ các cấp độ này, tiêu chí phân chia chúng và triển khai theo các cấp độ đó cho người học.

5) Sản sinh và tiếp nhận lời nói đều được thực hiện nhờ một loạt các cơ chế lời nói. Những cơ chế này là những bộ

máy ngôn ngữ đảm bảo cho quá trình lời nói thực hiện nhanh chóng các chức năng làm phương tiện tổ chức hoạt động giao tiếp, hoạt động nhận thức, hoạt động trí tuệ. Những bộ máy này không có sẵn, mà được hình thành và phát triển trong quá trình nắm vững ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp và nhận thức. Chúng rất phức tạp. Do được lặp lại nhiều lần nên chúng trở thành tự động hoá và làm việc theo nguyên tắc tự động hoá trong quá trình sản sinh và tiếp nhận lời nói. Thực chất của quá trình tự động hoá này là giải phóng ý thức ra khỏi mặt hình thức ngôn ngữ (nghĩa) để tập trung vào mặt nội dung (ý) giao tiếp. Chính vì vậy mà khi đã nắm vững ngôn ngữ, các quá trình sản sinh và tiếp nhận lời nói diễn ra rất nhanh chóng; khó khăn chủ yếu là do lập ý (tìm ý) để giao tiếp. Những điều này cho thấy để dạy các quá trình sản sinh và tiếp nhận lời nói ngoại ngữ cần phải chú ý đến việc hình thành và phát triển các loại cơ chế này và đặc biệt phải luyện để chúng trở thành tự động hoá và làm việc được theo nguyên tắc tự động hoá. Mục đích của quá trình luyện tập này là giải phóng ý thức ra khỏi mặt hình thức của ngôn ngữ để hướng ý thức đó vào mặt nội dung giao tiếp và vào việc lập các mối quan hệ trong giao tiếp. Và như vậy dạy học các quá trình sản sinh và tiếp nhận lời nói ngoại ngữ cũng rất gần với dạy học giao tiếp.

4. Một số yêu cầu tâm lý đối với đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao

Từ những điểm đã trình bày ở trên về các quan niệm xuất phát và các tư tưởng khoa học về sản sinh và tiếp nhận lời nói chúng tôi xin đưa ra một số yêu

cấu tâm lí dưới đây đối với đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao, nói đúng hơn là đối với dạy học ngoại ngữ, dạy học sản sinh và tiếp nhận lời nói trong đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao.

1. Ngôn ngữ không phải là bẩm sinh, mà là tự tạo, do đó cần phải tác động tích cực vào quá trình hình thành và phát triển ngoại ngữ được học, nhanh chóng tạo ra hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ, cũng như cơ chế lời nói ngoại ngữ, làm cơ sở cho các quá trình sản sinh và tiếp nhận lời nói ngoại ngữ được học.

2. Ngôn ngữ, lời nói là hoạt động/hành động, do đó cần phải tổ chức dạy học chúng như dạy học một hoạt động/hành động. Ở đây cần có những giải pháp để hình thành và kích thích động cơ hoạt động và làm rõ mục đích hành động tương ứng.

3. Ngôn ngữ là một sản phẩm văn hoá xã hội-lịch sử, một loại công cụ nhận thức và giao tiếp đặc biệt, trong đó hoạt động/hành động ngôn ngữ được kết tinh lại dưới dạng các thao tác (thao tác ngữ âm, thao tác từ vựng, thao tác ngữ pháp...), do đó việc dạy học ngoại ngữ cần được triển khai theo hướng tái tạo lại các thao tác đó, đưa chúng về dạng hoạt động/hành động.

4. Ngôn ngữ, lời nói và hoạt động lời nói là những phạm trù khác nhau, song chúng có liên quan chặt chẽ với nhau, trong đó hoạt động lời nói là trung tâm gắn kết sự liên quan này, do đó cần có giải pháp cụ thể cho dạy học mỗi phạm

trù đó, đặc biệt là xây dựng các tiêu chí cho hệ thống bài tập để luyện tập các phạm trù đó thành kĩ năng, kĩ xảo.

5. Hoạt động lời nói có nhiều loại hình (nói, nghe, đọc, viết, dịch và nghĩ), mỗi loại lại có những hình thái tồn tại khác nhau (bên ngoài, bên trong), do đó cần tính đến đặc điểm, bản chất của mỗi loại hình và hình thái hoạt động lời nói trong xây dựng hệ thống bài tập và phương pháp để luyện tập chúng.

6. Sản sinh và tiếp nhận lời nói là hoạt động/hành động, do đó cần tổ chức dạy học chính các quá trình này như tổ chức dạy học hoạt động, mà thực chất là đảm bảo tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

7. Sản sinh và tiếp nhận lời nói được thực hiện theo các nguyên tắc của hoạt động trí tuệ: nguyên tắc algorit (giải quyết tuần tự theo quy trình đã biết) và nguyên tắc euristic (giải quyết đi tắt theo lối mới chưa rõ), do đó trong dạy học sản sinh và tiếp nhận lời nói cần thực hiện theo cả 2 nguyên tắc này.

8. Sản sinh lời nói diễn ra theo các giai đoạn khác nhau, trong đó có các giai đoạn tiền ngôn ngữ, chung cho mọi người nói các thứ tiếng khác nhau (như hình thành động cơ và lập chương trình phát ngôn), có giai đoạn liên quan trực tiếp đến thứ tiếng được sử dụng (thực hiện chương trình phát ngôn) và giai đoạn thông tin ngược (kiểm tra-đánh giá). Do đó trong dạy học sản sinh lời nói ngoại ngữ cần đảm bảo được tất cả các giai đoạn này.

9. Tiếp nhận lời nói diễn ra theo các cấp độ khác nhau, từ khái quát, chung đến cụ thể, chi tiết, từ nông đến sâu... tùy thuộc vào mục đích tiếp nhận và trình độ, kinh nghiệm đã có, do đó trong dạy học tiếp nhận lời nói cần cụ thể thành các cấp độ đó, cần xác định rõ mục đích phải tiếp nhận, đặc biệt là xây dựng các tiêu chí phân chia các cấp độ tiếp nhận.

10. Cả sản sinh và tiếp nhận lời nói đều làm việc trên cơ sở của hệ thống các cơ chế lời nói (được hình thành trong sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp) và trở thành tự động hoá (nhờ luyện tập), do đó để dạy học sản sinh và tiếp nhận lời nói ngoại ngữ cần hình thành, phát triển các cơ chế này và luyện tập để chúng trở thành các cơ chế tự động.

Trên đây là một số yêu cầu tâm lý đối với đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao, xuất phát từ những quan niệm về ngôn ngữ, lời nói, hoạt động lời nói, cũng như từ những tư tưởng khoa học về sản sinh và tiếp nhận lời nói. Việc biến những yêu cầu này thành nội dung và phương pháp dạy học chính những vấn đề này là việc làm của các nhà chuyên môn dạy tiếng, trước hết là của các nhà lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ. Việc này cũng thực sự khoa học, nghiêm túc và công phu. Và trên thực tế dạy học ngoại ngữ triển khai theo hướng này đã có nhiều thành quả đáng tin cậy. Đây là một cơ sở khoa học chắc chắn đảm bảo thành công trong đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chomsky N.A., *Các cơ sở logic lí thuyết ngôn ngữ*, Cambridge, 1965.
2. Dimnhia N.I., *Những bình diện tâm lí học của dạy nói ngoại ngữ*, NXB Giáo dục, Matxcơva, 1985.
3. Dynkin N.I., *Các cơ chế lời nói*, Matxcơva, 1958.
4. Kasevich V.B., *Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
5. Leonchiev A.A., *Những cơ sở của lí thuyết hoạt động lời nói*, NXB Khoa học, Matxcơva, 1974.
6. Leonchiev A.A., *Các cơ sở tâm lí ngôn ngữ học*, NXB Tư tưởng, Matxcơva, 1997.
7. Leonchiev A.N., *Hoạt động, Ý thức, Nhân cách*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1989.
8. Luria A.R., *Ngôn ngữ và ý thức*, NXB Đại học Tổng hợp Matxcơva, Matxcơva, 1998.
9. Trần Hữu Luyện, Sản sinh lời nói và ý nghĩa trong dạy học ngoại ngữ, *Tạp chí Tâm lí học*, số 9, tr.8-15, 2002.
10. Trần Hữu Luyện, Tiếp nhận lời nói và ý nghĩa trong dạy học tiếng nước ngoài, *Tạp chí Giáo dục*, số 6, tr.14-17, 2002.
11. Vygotsky L.X., *Tuyển tập tâm lí học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1997.

ON SPEECH PRODUCTION AND PERCEPTION IN HIGH QUALITY FOREIGN LANGUAGE TRAINING

Assoc.Prof.Dr. Tran Huu Luyen

College of Foreign Languages - VNU

It is observable that there exists an internal mechanism in speech production and perception. This article is focused on laying bare this mechanism via concepts and conceptions from different perspectives: language, speech, speech acts and related ideologies. This constitutes the foundations for the establishment of psychological principles in high quality foreign language training.

The results obtained contribute to creating an orientation towards better methodology and curriculum designing.